

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS-ST  
Ngày: 08 / 4 / 2021  
“V/v tranh chấp hợp đồng dân  
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Mừng;
2. Ông Đặng Văn Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 324/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1955; địa chỉ: số A, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức H1, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2020 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ H cho rằng, vào ngày 12/12/2019, ông Nguyễn Đức H1 có vay của bà H số tiền 33.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Hai bên có lập biên nhận nợ ngày 12/12/2019 thể hiện việc vay. Đến hạn trả nợ, ông H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, mặc dù, bà H đã nhiều lần yêu cầu.*

Vì vậy, bà H yêu cầu ông H1 trả số tiền vay còn nợ 33.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 12/12/2019 đến ngày Tòa án xét xử.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ ngày 12/12/2019 có chữ ký, chữ viết đề họ tên Nguyễn Đức H1 (bản photo).

- Ông Nguyễn Đức H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm. Bên cạnh đó, bà H còn khai, khoản vay mà bà H đang tranh chấp là khoản vay có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ngày 12/12/2019, ông H1 có vay bà H số tiền 33.000.000 đồng, có làm biên nhận và trong biên nhận nợ không thỏa thuận lãi suất, thời gian vay 10 ngày, mục đích vay để đáo nợ ngân hàng. Đến thời hạn, ông H1 không thực hiện theo cam kết. Vì vậy, bà H yêu cầu ông H1 trả 33.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định từ ngày 12/12/2019 đến khi xét xử sơ thẩm. Ông H1 vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà H.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà H với ông H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và được ký kết trên biên nhận nợ ngày 12/12/2019. Mặt khác, từ khi bà H khởi kiện đến nay, ông H1 không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Cho nên, bà H khởi kiện yêu cầu ông H1 trả 33.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất, do ông H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H nên bà H yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ. Tại phiên tòa, bà H cho rằng lãi suất thỏa thuận miệng là 05%/tháng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đồng thời, biên nhận nợ ngày 12/12/2019 không thể hiện mức lãi

suất. Cho nên, lãi suất được tính là 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Thời gian tính lãi được thực hiện từ ngày ông H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 23/12/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 08/4/2021.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, công nhận hợp đồng vay tài sản của bà H và ông H1; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H; buộc ông H1 có trách nhiệm trả cho bà H 33.000.000 đồng và tính lãi suất 10%/năm từ ngày 23/12/2019 đến ngày 08/4/2021.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *\* Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Phạm Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Đức H1 trả nợ vay. Ông H1 đang cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở, ông H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### *\* Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà Phạm Thị Mỹ H trình bày, vào ngày 12/12/2019, ông Nguyễn Đức H1 có vay của bà H số tiền 33.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Hai bên có lập biên nhận nợ ngày 12/12/2019 thể hiện việc vay. Đến hạn trả nợ, ông H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, mặc dù, bà H đã nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Lời khai này của bà H phù hợp với nội dung biên nhận nợ ngày 12/12/2019 có chữ ký, chữ viết đề họ tên Nguyễn Đức H1.

Tại phiên tòa, bà H khai, khoản vay đang tranh chấp là khoản vay có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Tuy nhiên, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Cho nên, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Vì vậy, có căn cứ xác định, ông H1 vay của bà H số tiền 33.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, không thỏa thuận lãi suất và chưa thanh toán nợ.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà H yêu cầu ông H1 trả cho bà H nợ vốn 33.000.000 đồng và nợ lãi từ ngày 12/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Do đây là khoản vay không thỏa thuận lãi suất, có thời hạn nên ông H1 phải chịu lãi kể từ ngày hết hạn vay (ngày 23/12/2019) với mức lãi suất

10%/năm (0,833%/tháng), theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo đó, tiền lãi mà bên vay còn phải thanh toán tính từ ngày 23/12/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là:

$33.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 15,56 \text{ tháng} = 4.277.288 \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng số nợ vốn, lãi mà bên vay còn nợ bên cho vay là 37.277.288 đồng.

Do ông H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu ông H1 trả số nợ còn lại và yêu cầu trả lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, buộc ông H1 có nghĩa vụ trả cho bà H nợ vay 37.277.288 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà H là 1.863.864 đồng.

Bà Phạm Thị Mỹ H được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ H.

Buộc ông Nguyễn Đức H1 trả cho bà Phạm Thị Mỹ H số nợ vay 37.277.288 *(ba mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm tám mươi tám)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đức H1 phải chịu 1.863.864 *(một triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm sáu mươi bốn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Mỹ H được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị Mỹ H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Đức H1 được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Thái Chí Bình**